

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2026

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Công Nguyên và bà Đào Thị Ngâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2025 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Huỳnh T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: khu phố V, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1982; Nơi cư trú: khu phố V, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Huỳnh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 159 ngày 28/12/2016. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông V hay gây gổ, chửi bới, đánh đập bà T trước mặt các con. Ông V không đi làm, mọi chi tiêu trong gia đình và các khoản nợ vay đều do bà T gánh vác. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông V có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 29/12/2018 và Nguyễn Ngọc Bảo Q1, sinh

ngày 20/4/2021. Hiện nay cháu Q1 đang sống với bà T, cháu Q đang sống với ông V. Ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Q và cháu Q1, không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày.

Bị đơn ông V vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: bà T được ly hôn với ông V; Về con chung: Giao 02 con chung cháu Q và cháu Q1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà T không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 159 ngày 28/12/2016 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông V hay gây gổ, chửi bới, đánh đập bà T trước mặt các con. Ông V không đi làm, mọi chi tiêu trong gia đình và các khoản nợ vay đều do bà T gánh vác. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho ông V để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông V không đến Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay ông V vẫn không có mặt. Như vậy cho thấy ông V không có thiện chí hòa giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông V đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông V.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông V có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 29/12/2018 và Nguyễn Ngọc Bảo Q1, sinh ngày 20/4/2021. Hội đồng xét xử thấy rằng: hiện nay cháu Q1 đang sống với bà T, vẫn đảm bảo cuộc sống về thể chất và sự phát triển tâm sinh lý bình thường. Ngoài ra, cháu Q có đơn xin tự nguyện sống với mẹ. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống và nguyện vọng của các cháu nên cần giao cháu Q và cháu Q1 cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huỳnh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Huỳnh T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 29/12/2018 và Nguyễn Ngọc Bảo Q1, sinh ngày 20/4/2021 cho bà Lê Thị Huỳnh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc ông Nguyễn Hoàng V phải giao cháu Nguyễn Thị Trúc Q cho bà Lê Thị Huỳnh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Huỳnh T không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Huỳnh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001405 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11- Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk;
(Số 159 ngày 28/12/2016)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hưng